

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI
Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Văn Yên, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc xác định cha cho con

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương;

Thư ký phiên họp: Ông Trần Tiên Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên họp: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Anh Lê Thế H, sinh năm 1986;

Nơi thường trú: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá;

Nơi làm việc: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Bùi Thị M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021 theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân xã P, huyện VY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 03/12/2021.

Người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Anh T: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 247/QĐ-TA ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tại Cơ sở Cai nghiện bắt buộc do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành lập (Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 trực thuộc Lực lượng TNXP Thành phố - Địa chỉ: Thôn

Bon Bu M'Lanh B, xã Đắc R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông); vắng mặt và có đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 03/10/2023, bản tự khai người yêu cầu là anh Lê Thế Htrình bày:

Tôi và chị Bùi Thị M quen biết nhau từ đầu năm 2020 và hai người đã phát sinh tình cảm, chúng tôi đã chung sống cùng nhau từ cuối năm 2020. Đến ngày 04/11/2021 chị M sinh con gái tại Trung Tâm Y tế huyện V và đã đi làm Giấy khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/12/2021 và đặt tên cho con là Bùi Anh T. Trong thời gian chị M sinh sống cùng tôi và sinh con với tôi thì chị M đã có chồng là Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nhưng vợ chồng chị M và anh Q đã sống ly thân nhau, thời điểm đó anh Q đang phải đi chấp hành án phạt tù và hai người không còn quan tâm gì đến nhau. Đến ngày 27/02/2023, chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn Q đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 09/2023/QĐCNTTLH ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quyết định ly hôn chị M và anh Q thuận tình ly hôn; về con chung: Chị M và anh Q xác định vợ chồng chỉ có một người con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 28/11/2012, không có con chung thứ 2 là Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021. Tôi và chị M đã đi làm xét nghiệm AND của tôi và Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021 tại Bệnh viện đa khoa MEDLATEC (phường D, quận B, thành phố Hà Nội), kết quả phân tích AND huyết thống, kết luận tôi và Bùi Anh T có quan hệ huyết thống Cha – Con. Để có căn cứ thay đổi họ và thay đổi tên cha cho con Bùi Anh T trong giấy khai sinh, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xác định quan hệ Cha-Con giữa tôi và Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Anh T, chị Bùi Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình kết hôn năm 2012, ngày 28/11/2012 sinh cháu Nguyễn Anh K. Quá trình chung sống chị M và anh Q thường phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 không quan tâm đến nhau nữa. Năm 2020 chị M có quen biết anh Lê Thế H, sinh năm 1986, cư trú tại: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và về chung sống cùng nhau, ngày 04/11/2021 chị M sinh con tại Trung tâm Y tế huyện V, tỉnh Yên Bái. Ngày 03/12/2021 chị M đi làm giấy khai sinh cho con tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái ghi tên con là Bùi Anh T, họ tên người cha là Nguyễn Văn Q. Đến ngày 27/02/2023, chị và anh Nguyễn Văn Q đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 09/2023/QĐCNTTLH ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quyết định ly hôn chị M và anh Q thuận tình ly hôn; về con chung: Chị M và anh Q xác định vợ chồng chỉ có một người con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 28/11/2012, không có con chung thứ 2 là Bùi Anh T, sinh ngày

04/11/2021. Chị M và anh Lê Thế H đã đi làm xét nghiệm AND của anh H và Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021, tại Bệnh viện đa khoa MEDLATEC (phường D, quận B, thành phố Hà Nội) kết quả phân tích AND huyết thống, kết luận anh Lê Thế H và Bùi Anh T có quan hệ huyết thống Cha – Con. Để có căn cứ thay đổi họ và thay đổi tên cha cho con Bùi Anh T trong giấy khai sinh, chị M đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên xác định quan hệ Cha-Con giữa anh Lê Thế H và Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có lời khai ngày 27/11/2023, thể hiện:

Anh và chị Bùi Thị M, đăng ký kết hôn ngày 19/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình bố mẹ vợ tại xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, đến năm 2013, anh Q và chị M chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh Q ở xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Cuối năm 2018 anh Q có hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Y và huyện S, tỉnh Ninh Bình nên trốn truy nã và vào Thành phố Hồ Chí Minh, chị M và con trai Nguyễn Anh K bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị M sinh sống, sau đó anh Q đi chấp hành án đến tháng 10/2022 thì trở về. Trong thời gian anh Q đi chấp hành án, anh Q không biết chị M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Sau khi anh đi chấp hành án về chị M thú nhận với anh Q là đã có con với người khác nhưng chị M không nói rõ là ai, anh Q cũng không hỏi rõ nhưng anh Q đã thông cảm và bỏ qua cho chị M, đến ngày 08/11/2022, chị M nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh Q, ngày 27/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 09/2023/QĐCNTTLH ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Quá trình giải quyết vụ việc ly hôn anh và chị M xác định có 01 người con chung cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 28/11/2012.

Trong quyết định ly hôn chị M và anh Q thuận tình ly hôn; về con chung: Chị M và anh Q xác định vợ chồng chỉ có một người con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 28/11/2012, còn cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021 không phải là con của anh Q nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thời điểm chị M sinh cháu T và đi đăng ký khai sinh cho cháu T lấy tên cha là Nguyễn Văn Q thì anh Q hoàn toàn không biết. Theo kết quả xét nghiệm AND thì cháu T có quan hệ huyết thống Cha-Con với anh Lê Thế H, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì anh Q hoàn toàn đồng ý. Đối với yêu cầu của anh H, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xác định anh H và cháu Bùi Anh T là Cha-Con thì anh hoàn toàn đồng ý. Hiện anh Q đang Cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, thuộc Lực lượng thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết vụ việc vắng mặt anh Q.

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự:

Anh Lê Thế H vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Toà án xác định quan hệ Cha – Con giữa anh và cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo pháp luật của cháu Bùi Anh T, chị Bùi Thị M, nhất trí với yêu cầu của anh Hòa, đề nghị Toà án xác định anh H là cha đẻ cháu Bùi Anh T.

Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên họp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên áp dụng: Khoản 1 Điều 88 và khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Lê Thế H, xác định anh Lê Thế H là cha đẻ của cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021 theo Phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 17/02/2023 tại Bệnh viện đa khoa MEDLATEC, phường D, quận B, thành phố Hà Nội.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Thế H không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tại phiên họp, Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Yêu cầu về việc “Xác định cha cho con” là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, người yêu cầu là anh Lê Thế H cư trú tại Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, hiện làm việc tại thôn P, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu của anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q, vắng mặt tại phiên họp có đơn đề nghị vắng mặt, nên Toà án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu: Xét yêu cầu của anh Lê Thế H về việc yêu cầu Toà án xác định anh là cha đẻ của cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021, thấy:

Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn Q kết hôn năm 2012. Quá trình chung sống chị M và anh Q phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 không quan tâm đến nhau nữa. Năm 2020 chị M có quen biết anh Lê Thế H, sinh năm 1986, cư trú tại: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và về chung sống cùng nhau, ngày 04/11/2021 chị M sinh con tại Trung tâm Y tế huyện V, tỉnh Yên Bái. Ngày 03/12/2021 chị M đi làm giấy khai sinh cho con tại Ủy ban nhân dân xã Y,

huyện V, tỉnh Yên Bái ghi tên con là Bùi Anh T, họ tên người cha là Nguyễn Văn Q. Đến ngày 27/02/2023, chị và anh Nguyễn Văn Q đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 09/2023/QĐCNTTLH ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quyết định ly hôn chị M và anh Q thuận tình ly hôn; về con chung: Chị M và anh Q xác định vợ chồng chỉ có một người con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 28/11/2012, không có con chung thứ 2 là Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021. Chị M và anh Lê Thế H đã đi làm xét nghiệm ADN của anh H và Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021, tại Bệnh viện đa khoa MEDLATEC (phường D, quận B, thành phố Hà Nội), kết quả phân tích ADN huyết thống, kết luận anh Lê Thế H và Bùi Anh T có quan hệ huyết thống Cha – Con.

Theo quy định tại Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình “con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng...”. Chị M sinh cháu T vẫn trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh Q, nhưng xét thấy:

Trên thực tế chị M và anh Q đã sống ly thân từ năm 2018 đến khoảng tháng 10/2022 anh Q đi chấp hành án về, thời điểm ly thân anh Q chị M chung sống, quan hệ với anh Lê Thế H và mang thai và sinh cháu T.

Tại Quyết định số 09/2023/QĐCNTTLH ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, xác định chị M và anh Q kết hôn ngày 19/3/2012, từ tháng 02/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9/2018, chị M và anh Q có một người con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/11/2012 còn cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021 không phải là con của anh Q nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 17/02/2023 do Bệnh viện đa khoa MEDLATEC tại phường D, quận B, thành phố Hà Nội thực hiện kết quả phân tích ADN huyết thống, kết luận anh Lê Thế H và Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021 có quan hệ huyết thống Cha - Con.

Do đó đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xác định anh Lê Thế H là cha đẻ của cháu Bùi Anh T.

[4] Những nội dung đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án được chấp nhận.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Trường hợp yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên thì được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14. Vì vậy miễn toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm cho anh Lê Thế H.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 3 Điều 367; Điều 370, Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; các Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự xác định cha cho con của anh Lê Thế H. Xác định anh Lê Thế H, sinh ngày 08/10/1986, căn cước công dân 038086010258, nơi thường trú: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa là cha đẻ của cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2021, số định danh cá nhân: 015321002862.

Anh Lê Thế H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các quyền về lý lịch tư pháp cho cháu Bùi Anh T theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Lê Thế H được miễn tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày. Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn Yên;
- CCTHADS huyện Văn Yên;
- UBND xã P;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, tập QĐ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương